TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 1170/2019/HNGĐ-ST Ngày 24 - 10 - 2019 V/v tranh chấp ly hôn.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;
2. Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 821/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974 (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 63A, đường số 12, tổ 3, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 07/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thế H tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2003, đến năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C.

Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà sống tại nhà riêng ở xã T, huyện C. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H có tính gia trưởng, luôn bắt người khác phải nghe theo ý mình, đánh vợ, ông H còn có quan hệ với người phụ nữ khác, khi bà điện thoại cho ông H thì người phụ nữ này xưng là vợ ông H. Bản thân bà cũng có nóng tính nên giữa vợ chồng có nhiều bất hòa, ông H không đồng ý ly hôn vì không muốn chia tài sản, bà đã từng gửi đơn xin ly hôn

một lần nhưng vì muốn cho ông H thêm cơ hội để hàn gắn nên bà đã rút đơn, đến nay bà nhận thấy tình cảm bà dành cho ông H không còn nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 07/01/2004. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung bà và ông H tự thỏa thuận giải quyết, nợ chung không có.

** Tại bản tự khai ngày 31/7/2019, bị đơn là ông Nguyễn Thế H trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình vào năm 2003, hai bên chung sống tại nhà riêng ở xã T, huyện C.

Trong quá trình chung sống ông nhận thấy giữa vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì lớn, ông không biết lý do vì sao bà H gửi đơn xin ly hôn, công việc của ông là thợ cơ khí, nhiều khi làm xong chủ nhà có đãi ăn uống, khi uống rượu về vợ chồng có cãi nhau qua lại nhưng không đến mức trầm trọng, vợ ông tự ý bỏ về sống ở nhà em vợ ở xã P, huyện C ông cũng không biết vì sao. Ông muốn vợ chồng hàn gắn cùng lo cho con ăn học nên không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng ông có 01 con chung đúng như bà H trình bày, ông muốn vợ chồng cùng lo cho con.

Tài sản chung ông không tranh chấp, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 07/5/2019, bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Thế H, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, ông Nguyễn Thế H hiện đang cư trú tại số 63A, đường số 12, tổ 3, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thế H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thế H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 14/7/2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà H thì sau khi xây dựng gia đình vào năm 2010, hai bên chung sống hạnh phúc tại nhà riêng, đời sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bản thân bà nóng tính, ông H lại gia trưởng, có quan hệ với người khác, có đánh bà, bà và ông H đã ly thân hơn 01 năm nay, ông H không muốn ly hôn vì không muốn chia tài sản, không phải vì còn thương vợ con như ông H trình bày, bà đã cho ông H cơ hội để sửa đổi, hàn gắn nhưng ông H không thay đổi, bà cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Xét ông H trình bày ông muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con nhưng ông không đến Tòa án theo giấy triệu tập để thể hiện thiện chí hàn gắn, bà H cũng đã gửi đơn xin ly hôn một lần, sau đó rút đơn và Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 367/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2019, như vậy xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông H là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà H và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 07/01/2004, bà Hạnh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, cháu Phương N cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên xét để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Phương N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà H, không trái pháp luật nên ghi nhận ý kiến này. Nếu sau này bà H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà H trình bày bà và ông H tự thỏa thuận.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H và ông H trình bày không có.

[7]Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thế H.

Kể từ ngày 24/10/2019, Giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 14/7/2010 cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thế H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thế H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 07/01/2004.

Giao cháu Phương N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản chung: Bà H và ông H tự thỏa thuận.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H và ông H trình bày không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0022185 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Bà Nguyễn Thị H có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thế H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA